

Số: /QĐ-UBND

Nghi Sơn, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Trường
Cao đẳng nghề Nghi Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, kèm theo QCVN 01:2021/BXD; số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn đến năm 2035, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 4630/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị số 05, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 3914/UBND-KTTC ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 3690-CV/VPTU ngày 31/3/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy; Công văn số 7748/UBND-CN ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trường Cao đẳng Nghề Nghi Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1498/QĐ-BQL ngày 13/12/2023 của Giám đốc Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán chi phí khảo sát và lập quy hoạch xây dựng chi

tiết tỷ lệ 1/500 và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án: Lập quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 Trường Cao đẳng Nghề Nghi Sơn;

Căn cứ các Công văn của: Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN tại Công văn số 737/BQLKKTNS&KCN-QLQH ngày 15/3/2024; Sở Xây dựng tại Công văn số 1901/SXD-PTĐT ngày 21/3/2024, Sở Lao động - TB và xã hội tại Công văn số 1098/SLĐTBXH-GDNN ngày 19/3/2024, Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 1312/SNN&PTNT-KHTC ngày 16/3/2024 và Sở Tài nguyên và môi trường tại Công văn số 2174/STNMT-QLDD ngày 14/3/2024.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị tại Báo cáo thẩm định số 47/QLĐT-TĐ ngày 04/4/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn (kèm theo đề nghị của Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD&CN tại các văn bản: số 346/TTr-BQL ngày 01/4/2024; số 345/BQL-KTTDD ngày 01/4/2024 và hồ sơ có liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án

Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn.

2. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch

Khu vực lập Quy hoạch chi tiết thuộc địa giới hành chính phường Hải Hoà, thị xã Nghi Sơn, ranh giới như sau:

- Phía Đông Bắc: Giáp đường giao thông (đường Chu Đạt);
- Phía Đông: Giáp đất dân cư hiện trạng và đường ngõ;
- Phía Nam: Giáp đất dân cư hiện trạng;
- Phía Tây Nam: Giáp đất hành lang cây xanh dọc kênh cầu Trắng.

3. Quy mô và diện tích

Diện tích lập quy hoạch: 20.295,0m² (khu đất hiện trạng có diện tích 12.761,7m² và phần mở rộng có diện tích 7.578,3m² tiếp giáp phía Tây Nam và phía Nam khu đất hiện trạng).

4. Tính chất, chức năng khu đất lập quy hoạch:

Là Trường Cao đẳng Nghề với các ngành nghề: Điện công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Công Nghệ Hàn, Công Nghệ ô tô, Kế toán doanh nghiệp, Công nghệ thông tin, Điện nước.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Tuân thủ QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về QHXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 4630/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch phân khu đô thị số 05, khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

a. Chỉ tiêu sử dụng đất theo quy hoạch phân khu:

- Chức năng sử dụng đất: là đất xây dựng cơ sở đào tạo nghiên cứu;
- Diện tích lô đất: khoảng 2,03 ha;
- Mật độ xây dựng: Tối đa 40%;
- Số tầng công trình chính: 2 đến 9 tầng;
- Hệ số sử dụng đất: Từ 0,8 đến 3,6 lần;
- Cốt san nền: Từ 3,7m đến 4,1m
- Hướng thoát nước: Từ Đông Bắc xuống Tây Nam.

b. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật của dự án.

- Diện tích khu đất: 20.295m²;
- Diện tích xây dựng: 6.510,0m² (tỷ lệ 32,08%);
- Diện tích sân đường nội bộ, bãi đỗ xe: 6.327,84m² (tỷ lệ 31.18%);
- Diện tích cây xanh - thảm cỏ - cây anh TĐTT: 6.848,16m² (tỷ lệ 33.74%);
- Diện tích đất hạ tầng kỹ thuật: 609,0m² (tỷ lệ 3.00%);
- Số tầng công trình chính: 02 đến 09 tầng;
- Mật độ xây dựng: 32,08%;
- Tổng diện tích sàn dự kiến: 19.135,7m;
- Hệ số sử dụng đất: 0,94 lần.

c. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống giao thông-bãi đỗ xe (giao thông nội bộ):
 - + Đường chính: Chiều rộng lòng đường tối thiểu 6.0m;
 - + Đường nhánh: Chiều rộng lòng đường tối thiểu 4.0m;
 - + Bãi đỗ xe: Đảm bảo tối thiểu 25 xe, chỉ tiêu diện tích 25m²/xe.
- Cấp điện:
 - + Công trình có điều hoà: 30w/m² sàn;

- + Công trình không có điều hoà: 20w/m² sàn.
- Cấp nước:
 - + Nước sinh hoạt cho học sinh và giáo viên: 20lít/người/Ngđ;
 - + Nước sinh hoạt ký túc xá: 100lít/người/Ngđ;
 - + Nước tưới-rửa: 10% nước sinh hoạt;
 - + Nước cho PCCC: 25lit/s, trong 03 giờ.
- Xử lý nước thải: 100%.
- Thu gom và xử lý rác thải: 100%.

6. Cơ cấu tổ chức không gian, quy hoạch sử dụng đất.

6.1. Cơ cấu tổ chức không gian.

Tổng thể bao gồm 12 khối công trình chính (xây mới 06 hạng mục và 05 hạng mục hiện trạng cải tạo, 01 hạng mục giữ nguyên hiện trạng); 02 nhà để xe đạp xe máy(01 xây mới, 01 hiện trạng); các hạng mục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật (bể nước ngầm, nhà bơm, khu xử lý nước thải, cống-tường rào, trạm biến áp, hệ thống cấp điện-chiếu sáng công cộng, hệ thống đường giao thông nội bộ-bãi đỗ, hệ thống cấp nước, mương rãnh thoát nước, sân chơi bãi tập và cây xanh thảm cỏ), cụ thể như sau:

a. Các công trình xây dựng mới:

- Khối hành chính - Hiệu bộ (Xây dựng mới): Quy mô 07 tầng, diện tích xây dựng 295,0m²; tổng diện tích sàn 2065,0m²;
- Khối nhà lớp học (Xây dựng mới): Quy mô 05 tầng, diện tích xây dựng 758,4m²; tổng diện tích sàn 3792,3m²;
- Khối nhà Hội trường 450 chỗ (Xây dựng mới): Quy mô tương đương 02 tầng, diện tích xây dựng 695,0m²; tổng diện tích sàn 872,0m²;
- Khối nhà xưởng thực hành (Xây dựng mới): Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 984,0m²; tổng diện tích sàn 984,0m²;
- Khối nhà Ký túc xá - căng tin (Dự kiến xây dựng mới): Quy mô 09 tầng, diện tích xây dựng 853,8m²; tổng diện tích sàn 7684,2m²;
- Khối nhà luyện tập thể thao đa năng(Dự kiến xây mới): Quy mô 02 tầng, diện tích xây dựng 534,0m²; tổng diện tích sàn 1068,0m²;

b. Các công trình cải tạo:

- Khối nhà lớp học thực hành (Cải tạo từ khối nhà hiệu bộ hiện trạng): Quy mô 02 tầng, diện tích xây dựng 280,7m²; tổng diện tích sàn 561,4m²;

- Khối nhà xưởng thực hành hàn công nghệ cao - điện nước (Cải tạo khối nhà xưởng 01 tầng cấp IV hiện trạng): Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng $204,8\text{m}^2$; tổng diện tích sàn $204,8\text{m}^2$;

- Khối nhà xưởng thực hành điện - CNTT(Cải tạo khối nhà xưởng 01 tầng cấp IV hiện trạng): Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng $325,0\text{m}^2$; tổng diện tích sàn $325,0\text{m}^2$;

- Khối nhà lớp học thực hành (Cải tạo từ khối nhà hội trường 01 tầng cấp IV hiện trạng): Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng $338,0\text{m}^2$; tổng diện tích sàn $338,0\text{m}^2$;

- Khối nhà lớp học thực hành (Cải tạo từ khối nhà văn phòng khoa 01 tầng cấp IV hiện trạng): Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng $139,5\text{m}^2$; tổng diện tích sàn $139,5\text{m}^2$.

c. Công trình giữ nguyên hiện trạng:

Khối nhà lớp học thực hành (Cải tạo từ khối nhà lớp học 01 tầng cấp IV hiện trạng): Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng $275,3\text{m}^2$; tổng diện tích sàn $275,3\text{m}^2$.

d. Các hạng mục phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật:

- Sân giáo dục thể chất diện tích khoảng 1350m^2 và bồn hoa cây xanh;

- Nhà để xe 02 bánh (xây dựng mới): Quy mô 01 tầng mái tôn, diện tích xây dựng 280m^2 ;

- Nhà để xe đạp xe máy (hiện trạng): Quy mô 01 tầng mái tôn, diện tích xây dựng $69,8\text{m}^2$;

- Sân có mái che (hiện trạng): Mái tôn, diện tích $460,7\text{m}^2$;

- Nhà trực bảo vệ (xây dựng mới): Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng $16,0\text{m}^2$;

- Nhà bơm 03 nhà (xây dựng mới): Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng $16,0\text{m}^2$;

- Bể nước ngầm sinh hoạt + PCCC (xây dựng mới): Quy mô 500m^3 , diện tích xây dựng ngầm $200,0\text{m}^2$;

- Bể nước ngầm sinh hoạt + PCCC (xây dựng mới): Quy mô 375m^3 , diện tích xây dựng ngầm $150,0\text{m}^2$;

- Bể nước ngầm sinh hoạt + PCCC (xây dựng mới): Quy mô 300m^3 , diện tích xây dựng ngầm $120,0\text{m}^2$;

- Bể xử lý nước thải (Xây dựng mới): Quy mô 160m^3 , diện tích xây dựng ngầm $135,0\text{m}^2$;

- Trạm biến áp (xây dựng mới): Trạm ky ốt, công suất 630KVA, diện tích xây dựng $4,0\text{m}^2$.

6.2. Quy hoạch sử dụng đất.

STT	TÊN HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	SỐ TẦNG	S XD (M2)	S SÀN (M2)	TỶ LỆ(%)	GHI CHÚ
I	CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC			6.510,0	19.135,7	32,08	
1	CÔNG CHÍNH	1					xây dựng mới
2	NHÀ TRỰC BẢO VỆ	2	1	16,0	16,0	0,08	xây dựng mới
3	XUỐNG THỰC HÀNH	3	1	139,5	139,5	0,69	hiện trạng-cải tạo
4	NHÀ ĐỂ XE 02 BÁNH	4	1	280,0	280,0	1,38	xây dựng mới
5	NHÀ LỚP HỌC THỰC HÀNH	5	1	338,0	338,0	1,67	hiện trạng-cải tạo
6	SÂN CÓ MÁI CHE	6	1	460,7	460,7	2,27	hiện trạng
7	XUỐNG THỰC HÀNH ĐIỆN - CÔNG NGHỆ TT	7	1	325,0	325,0	1,60	hiện trạng-cải tạo
8	XUỐNG TH HÀN CÔNG NGHỆ CAO-ĐIỆN NƯỚC	8	1	204,8	204,8	1,01	hiện trạng-cải tạo
9	NHÀ LỚP HỌC THỰC HÀNH	9	1	275,3	275,3	1,36	hiện trạng
10	NHÀ ĐỂ XE	10	1	69,8	69,8	0,34	hiện trạng
11	NHÀ LỚP HỌC THỰC HÀNH	11	2	280,7	561,4	1,38	hiện trạng-cải tạo
12	NHÀ TẬP ĐA NĂNG	12	2	534,0	1.068,0	2,63	xây dựng mới
13	NHÀ HIỆU BỘ-HÀNH CHÍNH	13	7	295,0	2.065,0	1,45	xây dựng mới
14	NHÀ LỚP HỌC	14	5	758,4	3.792,0	3,74	xây dựng mới
15	KÝ TÚC XÁ-CĂNG TIN	15	9	853,8	7.684,2	4,21	xây dựng mới
16	HỘI TRƯỜNG 450 CHỖ	16	TD 02 TẦNG	695,0	872,0	3,42	xây dựng mới
17	XUỐNG THỰC HÀNH	17	1	984,0	984,0	4,85	xây dựng mới
18	CÔNG PHỤ	28					xây dựng mới
II	ĐẤT XD CÔNG TRÌNH HTKT			609,0	657,0	3,00	
1	ĐIỂM TẬP KẾT RÁC	19	15	15,0	15,0		trên bề xlnt
	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	20	NGẦM	135,0	135,0	0,67	xây dựng mới
	NHÀ BƠM(TRÊN BỂ NƯỚC)	21	1	16,0	16,0	0,08	xây dựng mới
	BỂ NƯỚC SINH HOẠT -PCCC SỐ 1	22	NGẦM	200,0	200,0	0,91	xây dựng mới
	NHÀ BƠM(TRÊN BỂ NƯỚC)	23	1	16,0	16,0	0,08	xây dựng mới
	BỂ NƯỚC SINH HOẠT -PCCC SỐ 2	24	NGẦM	150,0	150,0	0,66	xây dựng mới
	NHÀ BƠM(TRÊN BỂ NƯỚC)	25	1	16,0	16,0	0,08	xây dựng mới
	BỂ NƯỚC SINH HOẠT -PCCC SỐ 3	26	NGẦM	120,0	120,0	0,51	xây dựng mới
	TRẠM BIẾN ÁP	27	1	4,0	4,0	0,02	xây dựng mới
III	SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ-BÃI ĐỖ XE			6.327,84	0,0	31,18	
IV	CÂY XANH-THẨM CỎ-SÂN TẬP			6.848,16	0,0	33,74	
1	SÂN TẬP	18		1.350,0	0,0	6,65	xây dựng mới
2	CÂY XANH-THẨM CỎ			5.498,16	0,0	27,09	xây dựng mới
V	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT			20.295,0	0,0	100,00	

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1 San nền - chuẩn bị kỹ thuật:

- Chênh cao giữa các đường đồng mức thiết kế là 0,05m.
- Hướng dốc san nền chủ đạo theo hướng Đông Bắc - Tây Nam (cao nhất từ phía trục đường Chu Đạt, dốc dần về phía kênh Cầu Trắng).
- Cao độ nền thiết kế cho khu vực quy hoạch thấp nhất $H_{min} = 4,05m$, cao nhất $H_{max} = 4,70m$.

7.2. Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại:
 - + Tuyến đường Chu Đạt (Phía Đông Bắc khu vực quy hoạch), các đoạn tuyến đi qua khu vực dự án gồm 2 mặt cắt điển hình: Mặt cắt 1-1: lòng đường $3,75 \times 2 = 7,50m$; vỉa hè: $2,75 \times 2 = 5,50m$; chỉ giới đường đỏ 13,0m; Mặt cắt 3-3: lòng đường $3,50 \times 2 = 7,0m$; vỉa hè: $3,0 \times 2 = 6,0m$; chỉ giới đường đỏ 13,0m.
 - + Tuyến đường dọc kênh Cầu Trắng (Phía Tây Nam khu đất): Mặt cắt 2-2; Lòng đường 4,0m.
- Giao thông đối nội: Các tuyến đường nội bộ có bề rộng lòng đường từ 4,0-11,0m.

7.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước: Từ hệ thống đường ống cấp nước hiện có thị xã Nghi Sơn (đường ống D110 hiện có dọc đường Chu Đạt).
- Mạng lưới đường ống cấp nước: Bao gồm các đường ống chính và đường ống nhánh, kết hợp cấp nước sinh hoạt và PCCC.
- Tổng nhu cầu sử dụng nước: $Q = 96,36 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$.
- Tổng lượng nước PCCC: 270 m^3 .

7.4. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Từ đường dây trung áp 22KV lộ 471-E9.37 trạm biến áp 110KV Tĩnh Gia 2 trên trục đường Chu Đạt cách ranh giới khu đất của trường khoảng 150m.
- Lưới trung áp: 22KV dài 280m, dây dẫn dùng cáp lõi đồng có ký hiệu Cu/XLPE/DSTA/PVC-W-22KV chôn ngầm, đảm bảo đúng theo quy phạm trang bị điện.
- Trạm biến áp: Xây dựng mới 01 trạm biến áp kiot có công suất 750KVA.

- Điện hạ thế: 0.4KV, cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC chôn ngầm đất, tổng chiều dài: 424m.

- Điện chiếu sáng: Dùng đèn pha led, công suất 150W- 220V lắp trên cột thép bát giác 11m. Độ chói trung bình đạt 0,8 - 1 Cd/m². Dây dẫn cấp nguồn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC chôn ngầm, chiều dài 813m. Điều khiển hệ thống điện chiếu sáng bằng tủ điều khiển trọn bộ.

7.5. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thu động:

- Tổng nhu cầu viễn thông: 278 đường dây thuê bao.

- Nguồn cấp thông tin: Từ tuyến cáp quang hiện có của khu vực.

- Toàn bộ cáp viễn thông được luồn trong ống nhựa PVC đi ngầm, cáp viễn thông trong khu vực là cáp phối luồn trong ống thép.

- Độ sâu chôn cáp tính từ đỉnh ống luồn cáp trên cùng đến mặt đất: Tối thiểu 0,7m đối với các đoạn cáp qua đường; 0,5m đối với cáp đi ngầm dưới vỉa hè hoặc trong sân nội bộ.

- Trạm phát sóng thông tin di động (BTS): Không bố trí mới trạm trong khu vực, sử dụng từ các trạm BTS hiện có lân cận khu vực.

7.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Phân chia lưu vực thoát nước: 1 lưu vực, hướng dốc thoát nước từ Đông Bắc xuống Tây Nam.

- Hệ thống thoát nước là rãnh xây gạch, nắp đan bê tông cốt thép bố trí dọc các tuyến đường. Nước mặt sau khi được thu gom thoát ra kênh Cầu Trắng.

- Dọc tuyến thoát nước bố trí hố ga thu nước mặt đường, khoảng cách các hố ga 25-40m.

- Độ dốc rãnh thiết kế: 0,1 - 2,0%.

7.7. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải riêng với hệ thống thoát nước mưa. Công thoát nước thải sử dụng ống D250-PVC đi ngầm trên vỉa hè và dưới đường.

- Dọc tuyến công thoát nước thải bố trí hố ga thoát nước thải để xử lý sự cố và vét bùn, khoảng cách hố ga đảm bảo tiêu chuẩn thoát nước thải.

- Hệ thống thoát nước bản thiết kế theo nguyên tắc tự chảy để tận dụng điều kiện địa hình.

- Nước thải được thu gom vào hệ thống cống nhánh, cống chính thoát sau đó dẫn về bể xử lý nước thải tập trung phía Tây khu vực nghiên cứu.

7.8. Chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

- Tiêu chuẩn thải chất thải rắn: 1,2 kg/người/ngày đêm.
- Chỉ tiêu thu gom: 100%.

- Trong các nhóm ở phải thiết kế các vị trí thu gom rác di động, thu gom rác sinh hoạt hàng ngày trước khi công ty môi trường đô thị thu gom chuyển đến bãi xử lý rác thải của toàn đô thị.

8. Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500

Ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD&CN có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch theo nội dung trên, gửi về UBND thị xã Nghi Sơn kiểm tra, đóng dấu, lưu trữ theo quy định làm cơ sở để quản lý và thực hiện; đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch theo quy định tại Khoản 13 Điều 23 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018.

2. Các phòng chuyên môn thuộc UBND thị xã Nghi Sơn và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và hướng dẫn Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD&CN thực hiện dự án theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND thị xã; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Kinh tế, Tài nguyên và Môi trường; Đội Trưởng Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng; Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD&CN và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Sở Xây dựng (b/c);
- Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và KCN;
- Các PCT UBND thị xã;
- UBND phường Hải Hoà;
- Lưu: VT, QLĐT_(Trưởng).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Anh